

Số: *2257*/SGDDT-KHTC

Hà Nội, ngày *03* tháng *8* năm 2022

V/v tổng hợp báo cáo chi phí lĩnh vực
giáo dục và đào tạo phục vụ công tác
xác định giá dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực
giáo dục và đào tạo của Thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

Căn cứ quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau khi thống nhất với các phòng chuyên môn của Sở Tài chính ngày 26/7/2022. Để có cơ sở tham mưu, báo cáo UBND Thành phố về giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thành phố; đồng thời thực hiện phân loại tự chủ đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã khẩn trương chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập (không bao gồm cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi hoạt động thường xuyên) theo phân cấp quản lý lập báo cáo và tổng hợp số liệu theo biểu đính kèm, cụ thể:

1. Các cơ sở giáo dục công lập

- Tổng hợp số liệu: Từ nguồn ngân sách cấp và nguồn thu học phí theo số liệu quyết toán năm 2019, 2020, 2021, chi tiết biểu mẫu tổng hợp chi phí (theo mẫu biểu từ phụ biểu số 01-CSGD đến phụ biểu số 12-CSGD được gửi kèm theo Công văn này);

- Các đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đã tổng hợp báo cáo;

- Báo cáo được lập thành 02 bộ theo danh mục và hồ sơ tài liệu kèm theo đã được thống kê cụ thể tại biểu mẫu kèm theo Công văn này.

2. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, rà soát số liệu của các đơn vị trực thuộc theo phân cấp và tổng hợp số liệu

theo từng cấp học (theo Phụ biểu TH-01 gửi kèm Công văn này); lưu 01 bản ký đóng dấu chi tiết của các đơn vị trực thuộc kèm theo các tài liệu liên quan.

3. Thời gian nộp báo cáo: Báo cáo gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 12/8/2022, đồng thời gửi qua địa chỉ email: kh-tc@hanoiedu.vn (gồm 02 bản tổng hợp ký, đóng dấu và file mềm tổng hợp theo cấp học; 01 bản ký đóng dấu và file mềm chi tiết của các đơn vị trực thuộc).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin liên hệ đồng chí Trần Duy Hà số điện thoại 0912 628 537.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã quan tâm, phối hợp thực hiện.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Phòng TC-KH các quận, huyện, thị xã;
- Phòng GDĐT các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Trần Thế Cường

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ TÍNH BÌNH QUÂN/HỌC SINH

CẤP HỌC:

ST T	Nội dung chi	Thực tế chi 03 năm liên kế												Bình quân chi/01 học sinh trong 03 năm (triệu đồng)	Ghi chú: Thuộc địa bàn Phường/ Thị trấn/Nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)/miền núi
		Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021					
		Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quân chi/01 học sinh (triệu đồng)	Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quân chi/01 học sinh	Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quân chi/01 học sinh (triệu đồng)		
1	Trường														
1.1	<i>Tổng số chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên và học phí</i>														
a	Tiền lương, tiền công các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp														
b	Hoạt động quản lý														
c	Hoạt động chuyên môn														
d	Vật tư, thiết bị														
d	Sửa chữa tài sản														
e	Mua sắm tài sản														
f	Trích lập các Quỹ, chi tăng thu nhập, khen thưởng, phúc lợi														
1.2	<i>Tổng chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi không thường xuyên</i>														
2	Trường														
2.1	<i>Tổng số chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên và học phí</i>														
a	Tiền lương, tiền công các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp														
b	Hoạt động quản lý														
c	Hoạt động chuyên môn														
d	Vật tư, thiết bị														
d	Sửa chữa tài sản														
e	Mua sắm tài sản														
f	Trích lập các Quỹ, chi tăng thu nhập, khen thưởng, phúc lợi														

ST T	Nội dung chi	Thực tế chi 03 năm liền kề											Bình quân chi/01 học sinh trong 03 năm (triệu đồng)	Ghi chú: Thuộc địa bàn Phường/ Thị trấn/Nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)/miền núi
		Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				
		Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quân chi/01 học sinh (triệu đồng)	Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quán chi/01 học sinh	Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế		
2.2	Tổng chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi không thường xuyên													
3	Trường													

Người lập

Hà Nội, ngày tháng năm 2022
 Thủ trưởng đơn vị

Cột ghi chú địa bàn nơi cơ sở giáo dục đặt trực sở: Phường; Thị trấn; Nông thôn; Miền núi.

UBND

Trường

Mục lục - Biểu mẫu

Số Phụ lục	Nội dung
PL 01-CSGD	Nguồn thu
PL 02-CSGD	Số lớp số học sinh
PL 03-CSGD	Chi phí tiền lương, tiền công
PL 04-CSGD	Chi phí phục vụ quản lý
PL 05-CSGD	Chi phí phục vụ hoạt động chuyên môn
PL 06-CSGD	Chi phí vật tư
PL 07-CSGD	Chi phí mua sắm
PL 08-CSGD	Chi phí sửa chữa
PL 09-CSGD	Chi phí mua sắm sửa chữa từ nguồn không thường xuyên
PL 10-CSGD	Chi phí tăng thu nhập, phúc lợi, trích lập quỹ
PL 11-CSGD	Tổng hợp chi phí
PL 12-CSGD	Tổng hợp chi phí mua sắm, sửa chữa từ nguồn trích lập quỹ
Số điện thoại người lập báo cáo :	

Lưu ý khi lập biểu báo cáo, Để phục vụ công tác tổng hợp đề nghị các đồng chí:

1, Đơn vị tính là triệu đồng nên lưu ý thực hiện chính xác và làm tròn theo quy định.

2, Đối các phụ biểu 1,2,3,4,5, 9, 10 nếu không có nội dung chi thì để trống tuyệt đối không được cắt bớt dòng (do phục vụ công tác tổng hợp).

3, Đối với các phụ biểu 6,7,8 tuyệt đối không cắt bớt các dòng có đề mục A,B,C và các I, II,1 (trường hợp không có số liệu thì để trống).

3, Đối với phụ biểu 11,12 không nhập số liệu do số liệu tự động lấy từ các biểu sang (không chỉnh sửa số liệu trên các biểu này)

UBND

Trường

HỒ SƠ TÀI LIỆU KÈM THEO

TT	Nội dung (tài liệu pho to có đóng dấu xác nhận của trường)
1	Bảng cân đối số phát sinh năm 2019, 2020, 2021.
2	Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (mẫu số B01/BCQT) chi tiết theo nguồn ngân sách cấp và nguồn học phí (năm 2019, 2020, 2021).
3	Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại (mẫu số F01-01/BCQT) chi tiết theo nguồn ngân sách cấp và nguồn học phí (năm 2019, 2020, 2021).
4	Bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương... (năm 2019, 2020, 2021 gồm các tháng 1, tháng 6, tháng 12).

Lưu ý đối với cơ sở giáo dục tiểu học công lập chỉ có biểu nguồn ngân sách cấp (do không thu học phí) số liệu chỉ lấy số chi phí từ nguồn ngân sách cấp.

UBND
 Trường

Phụ lục số 01-CSGD

TỔNG HỢP KINH PHÍ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP VÀ SỐ THU HỌC PHÍ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Diễn giải	Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021			
		Tổng số	Ngân sách cấp chi thường xuyên	Ngân sách cấp chi không thường xuyên	Tổng số thu học phí	Tổng số	Ngân sách cấp chi thường xuyên	Ngân sách cấp chi không thường xuyên	Tổng số thu học phí	Tổng số	Ngân sách cấp chi thường xuyên	Ngân sách cấp chi không thường xuyên	Tổng số thu học phí
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4	5 = 6+7+8	6	7	8	9 = 10+11+12	10	11	12
1	Trường	-				-				-			

Người lập

Hà nội, ngày.....thángnăm 2022

Hiệu trưởng

Ghi chú: Số liệu bao gồm cả số dư năm năm trước chuyển sang.

UBND
Trường

Phụ lục số 02-CSGD

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH

Hạng trường:

TT	Diễn giải	Năm học 2018-2019			Năm học 2019-2020			Năm học 2020-2021			Năm học 2021-2022		
		Số kế hoạch	Số thực hiện	Chênh lệch	Số kế hoạch	Số thực hiện	Chênh lệch	Số kế hoạch	Số thực hiện	Chênh lệch	Số kế hoạch	Số thực hiện	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2-1	4	5	6 =5-4	7	8	9 = 8-7	10	11	12 =11-10
	Trường												
1	Số lớp			-			-			-			-
2	Số học sinh			-			-			-			-

Hà nội, ngày.....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

UBND
 Trưởng

Phụ lục số 03-CSGD

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TIỀN CÔNG, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP

[illegible]

STT	Đối tượng	Số người		Tổng số (Triệu đồng)	Tổng chi phí tiền lương phụ cấp và các khoản đóng góp (Triệu đồng)								Tổng chi phí tiền công (Triệu đồng)	Tổng chi phí làm thêm, dạy thêm giờ (Triệu đồng)
		Số theo chỉ tiêu được giao	Số có mặt (tính bình quân trong năm)		Tổng số	Tiền lương	Phụ cấp chức vụ, trắc nhiệm	Tổng số phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nhà giáo	Phụ cấp ưu đãi nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp khác	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH,BHYT ,BHTN, KPCĐ)		
A	B	1	2	3 = 4 + 12+13	4 = 5 + 6 + ... + 11	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Giáo viên trực tiếp giảng dạy (không bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng)			0	0									
2	Cán bộ quản lý			0	0									
3	Cán bộ, nhân viên phục vụ (không bao gồm lao động hợp đồng không có hệ số lương)			0	0									
4	Lao động hợp đồng do đơn vị ký hợp đồng, không có hệ số lương			0	0									

Hà nội, ngày.....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

Ghi chú: Số liệu điền vào từ cột 5 đến cột 13 được lấy từ nguồn ngân sách cấp chi hoạt động thường xuyên và nguồn thu học phí.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
A	B	1	2	3
	Trường			
	Tổng số	0	0	0
I	Chi phí quản lý	0	0	0
1	Chi tiền điện			
2	Chi tiền nước			
3	Chi thanh toán dịch vụ công cộng khác			
4	Chi Vật tư văn phòng (Không bao gồm các chi phí đã thống kê tại Phụ biểu 06-CSGD)			
5	Chi thông tin tuyên truyền liên lạc			
6	Chi hội nghị			
7	Chi các khoản thuê mướn (không bao gồm chi thuê lao động)			
8	Chi tiếp khách			
9	Chi khác (nếu có, không bao gồm các nội dung thống kê tại các Phụ biểu khác)			
II	Chi tổ chức hoạt động đoàn thể (không bao gồm các chi phí đã thống kê tại Phụ biểu 05-CSGD)	0	0	0
1	Chi hoạt động đoàn			
2	Chi khai giảng			
3	Chi tổ chức ngày 20/11			
4	Chi đại hội công nhân viên chức			
5	Chi cho công tác đảng			
6	Các hoạt động đoàn thể khác (nếu có)			

Hà nội, ngày... ..thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ LIÊN QUAN CHI CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

STT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Dự kiến năm 2021	
		Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)
	Trường						
	Tổng số		0		0		0
1	Chi phí coi, chấm kiểm tra định kỳ						
2	Chi phí bồi dưỡng học sinh giỏi,						
3	Chi phí phụ đạo cho những học sinh yếu, kém						
4	Chi khen thưởng học sinh						
5	Chi công tác phí						
6	Chi phí tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn đối với giáo viên, hoạt động chuyên môn, chuyên đề ... (không bao gồm các nội dung đã tổng hợp tại Phụ lục số 04)						
7	Chi chế độ trang phục đối với giáo viên thể dục, giáo dục quốc phòng và an ninh (theo chế độ quy định)						
8	Chi phí trang bị SGK miễn phí cho các đối tượng chính sách: học sinh nghèo, mồ côi... (áp dụng đối với học sinh phổ thông)						
9	Các chi phí phục vụ hoạt động chuyên khác (nếu có)						

Hà nội, ngày....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ VẬT TƯ, THIẾT BỊ (KHÔNG PHẢI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH) PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

STT	Tên vật tư, thiết bị	Số lượng	Thời gian sử dụng dự kiến (năm)	Tổng số tiền (triệu đồng)
	Trường			
A	Năm 2019			0
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, thu học phí			0
1				
2				
3				
4				
5				
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ			0
1				
2				
3				
4				
5				
B	Năm 2020			0
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, thu học phí			0
1				
2				
3				
4				
5				
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ			0
1				
2				
3				
4				
5				
C	Năm 2021			0
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, thu học phí			0
1				
2				
3				
4				
5				
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ			0
1				
2				
3				
4				
5				

Hà Nội, ngày....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬA CHỮA TÀI SẢN

STT	Danh mục tài sản sửa chữa	Số lượng, khối lượng	Tổng số tiền (triệu đồng)
	Trường		
A	Năm 2019		0
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, nguồn thu học phí		0
1			
2			
3			
4			
5			
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ		0
1			
2			
3			
4			
5			
B	Năm 2020		0
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, nguồn thu học phí		0
1			
2			
3			
4			
5			
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ		0
1			
2			
3			
4			
5			
C	Năm 2021		0
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, nguồn thu học phí		0
1			
2			
3			
4			
5			
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ		0
1			
2			
3			
4			
5			

Hà Nội, ngày.....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

STT	Danh mục tài sản mua sắm	Số lượng, khối lượng	Tổng số tiền (triệu đồng)	Thời gian sử dụng (năm)
	Trường			
A	Năm 2019		0	
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, nguồn thu học phí		0	
1				
2				
3				
4				
5				
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ		0	
1				
2				
3				
4				
5				
B	Năm 2020		0	
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, nguồn thu học phí		0	
1				
2				
3				
4				
5				
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ		0	
1				
2				
3				
4				
5				
C	Năm 2021		0	
I	Chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên, nguồn thu học phí		0	
1				
2				
3				
4				
5				
II	Chi phí từ nguồn trích lập quỹ		0	
1				
2				
3				
4				
5				

Người lập

Hà Nội, ngày.....thángnăm 2022

Hiệu trưởng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ TỪ NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH GIAO KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (MUA SẮM, SỬA CHỮA CẢI TẠO CHỐNG XUỐNG CẤP, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP...)

STT	Nội dung	Số lượng, khối lượng	Tổng số tiền (triệu đồng)	Thời gian sử dụng đối với nội dung mua sắm (năm)
	Trường			
A	Năm 2019		0	
I	Mua sắm		0	
1				
2				
3				
II	Sửa chữa, cải tạo CXC		0	
1				
2				
3				
III	Hỗ trợ chi phí học tập....		0	
1				
2				
B	Năm 2020		0	
I	Mua sắm		0	
1				
2				
3				
II	Sửa chữa, cải tạo CXC		0	
1				
2				
3				
III	Hỗ trợ chi phí học tập....		0	
1				
2				
C	Năm 2021		0	
I	Mua sắm		0	
1				
2				
3				
II	Sửa chữa, cải tạo CXC		0	
1				
2				
3				
III	Hỗ trợ chi phí học tập....		0	
1				
2				

Người lập

Hà Nội, ngày.....thángnăm 2022

Hiệu trưởng

BẢNG TỔNG HỢP CHI THU NHẬP TĂNG THÊM, PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG VÀ TRÍCH LẬP QUỸ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ NGUỒN THU HỌC PHÍ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
	Trường				
	Tổng số	0	0	0	
I	Tổng chi thu nhập tăng thêm, phúc lợi	0	0	0	
1	Chi thu nhập tăng thêm				Lưu ý Số liệu lấy theo Quyết toán trên mục tiêu mục tương ứng nội dung chi (không lấy số chi từ nguồn trích lập quỹ)
2	Chi phúc lợi				
3	Chi khen thưởng cho cán bộ giáo viên				
II	Tổng kinh phí trích lập quỹ	0	0	0	
1	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
2	Chi lập Quỹ phúc lợi				
3	Chi lập Quỹ Khen thưởng				
4	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
5	Trích lập Quỹ khác (nếu có)				

Hà Nội, ngày.....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ TÍNH BÌNH QUÂN/HỌC SINH

ST T	Nội dung chi	Thực tế chi 03 năm liền kề												Bình quân chi/01 học sinh trong 03 năm (triệu đồng)
		Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				
		Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quân chi/01 học sinh (triệu đồng)	Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quân chi/01 học sinh (triệu đồng)	Tổng số chi thực tế (triệu đồng)	Số lớp thực tế	Số học sinh thực tế	Bình quân chi/01 học sinh (triệu đồng)	
	Trường													
I	Tổng số chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên và học phí	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
1	Tiền lương, tiền công các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
2	Hoạt động quản lý	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
3	Hoạt động chuyên môn	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
4	Vật tư, thiết bị	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
5	Sửa chữa tài sản	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
6	Mua sắm tài sản	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
7	Trích lập các Quỹ, chi tăng thu nhập, khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
II	Tổng chi phí từ nguồn ngân sách cấp chi không thường xuyên	0				0				0				
	Tổng cộng (I + II)	0				0				0				

Hà Nội, ngày.....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

UBND
Trường

Phụ lục số 012-CSGD

**BẢNG TỔNG HỢP
CHI PHÍ MUA SẮM, SỬA CHỮA TỪ NGUỒN TRÍCH LẬP QUỸ**

STT	Danh mục tài sản mua sắm	Số lượng, khối lượng	Tổng số tiền (triệu đồng)	Thời gian sử dụng (năm)
	Trường			
I	Năm 2019			
1	Mua thiết bị không phải tài sản (Phụ biểu 06)			
2	Chi sửa chữa (Phụ biểu 07)			
3	Mua Tài sản (Phụ biểu 08)			
II	Năm 2020			
1	Mua thiết bị không phải tài sản (Phụ biểu 06)			
2	Chi sửa chữa (Phụ biểu 07)			
3	Mua Tài sản (Phụ biểu 08)			
III	Năm 2021			
1	Mua thiết bị không phải tài sản (Phụ biểu 06)			
2	Chi sửa chữa (Phụ biểu 07)			
3	Mua Tài sản (Phụ biểu 08)			

Hà Nội, ngày.....thángnăm 2022

Người lập

Hiệu trưởng

Ghi chú: Không nhập số liệu vào biểu này do số liệu biểu tự động lấy từ các biểu sang